

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07/01/2026
Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng;
2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 776/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 345/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 2002; nơi thường trú: Thôn C, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Ông Trần Hồng T, sinh năm 1992; nơi thường trú: Số nhà F, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp; nơi tạm trú: Số nhà A đường Đ, khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Phạm Thị N và ông Trần Hồng T có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N và ông Trần Hồng T sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về sống chung với nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T (nay là xã A), tỉnh Đồng Tháp theo giấy đăng ký kết hôn số 08 ngày 01/03/2023. Cuộc sống hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, khiến cuộc sống trở nên ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Vợ chồng đã hòa giải nhiều lần, nhưng không hàn gắn được tình cảm. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Trần Hồng T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có với nhau 02 người con chung tên Trần Ngọc Kiều A, sinh ngày 29/5/2023 và Trần Ngọc Vân A1, sinh ngày 29/5/2023, hiện nay con đang sống chung với bà N. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Trần Hồng T trình bày: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn bà Phạm Thị N về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian chung sống và con chung. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã nhau nên cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2024 cho đến nay. Sau khi sống ly thân thì mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông T xác định vẫn còn tình cảm với vợ nhưng bà N nhất quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Ngọc Kiều A, sinh ngày 29/5/2023 và Trần Ngọc Vân A1, sinh ngày 29/5/2023. Hiện nay, các con đang sống chung với bà N. Do con còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên ông T đồng ý để cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/con (tương đương 4.000.000 đồng/tháng/02 con) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N và ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Hồng T về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Phạm Thị N đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn là ông Trần Hồng T có địa chỉ tại số nhà A đường Đ, khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N và ông Trần Hồng T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T (nay là xã A), tỉnh Đồng Tháp theo giấy đăng ký kết hôn số 08 ngày 01/03/2023 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Bà Phạm Thị N xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi vã, khiến cuộc sống trở nên ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không chia sẻ, đồng cảm với nhau các vấn đề trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2024 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà Phạm Thị N yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hồng T. Bị đơn ông Trần Hồng T thống nhất với trình bày của bà N về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý ly hôn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.

Việc bà Phạm Thị N và ông Trần Hồng T sống ly thân và không mong muốn hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Phạm Thị N và ông Trần Hồng T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Phạm Thị N.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung tên Trần Ngọc Kiều A, sinh ngày 29/5/2023 và Trần Ngọc Vân A1, sinh ngày 29/5/2023. Bà Phạm Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Xét thấy việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng, ông Trần Hồng T thống nhất để cho bà Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/con (tương đương 4.000.000 đồng/tháng/02 con) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian trước đây và hiện nay con chung vẫn do bà Phạm Thị N nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở để chấp nhận nguyện vọng của bà Phạm Thị N là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của của ông Trần Hồng T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/con (tương đương 4.000.000 đồng/tháng/02 con) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Trần Hồng T {Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 01/03/2023 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T (nay là xã A), tỉnh Đồng Tháp cấp}.

Về con chung: Buộc ông Trần Hồng T giao 02 người con chung tên Trần Ngọc Kiều A, sinh ngày 29/5/2023 và Trần Ngọc Vân A1, sinh ngày 29/5/2023 cho bà Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Hồng T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000 đồng/tháng/con (tương đương 4.000.000 đồng/tháng/02 con). Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ tháng 01/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Phạm Thị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Hồng T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông Trần Hồng T phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, bà Phạm Thị N và ông Trần Hồng T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông Trần Hồng T lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến

việc bà Phạm Thị N nuôi con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0043249 ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị N đã nộp đủ. Ông Trần Hồng T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tp . HCM;
- VKSND KV16, Tp . HCM;
- Phòng THADS KV16;
- UBND xã An Long, tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng